

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						406 934	119 072	284 612			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						41 346	7 877	33 140			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						8 204	7 877	- 2			
1		ĐẠM HÀ BẮC	13/11	1386/11	28/11	QN 4114	CẨM 4A.1	1 700	1 684		13/11	HỘ LỎN	
2		SÔNG HỒNG	11/11	52/11	18/11	TNG 0889	CỤC XỎ 1C	990	978	12	13/11	TD	GIA HẠN L1
3		CHUYỂN TẢI HẢI NAM 79	12/11	232/11		CẨM PHẢ 21	CẨM 6A.14	3 850	3 864	- 14	13/11		món: 3.869,74
4		CHUYỂN TẢI ROYAL 88	12/11	23/11		CỬA ÔNG 14	CẨM 1	1 664	1 351		RÓT DỖ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						33 142		33 142			
1		ĐẠM HÀ BẮC	11/11	1384/11	26/11	QN 4320	CẨM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỎN	
2		ĐẠM HÀ BẮC	11/11	1385/11	26/11	1 TĐ 12	CẨM 4A.1	2 392		2 392		HỘ LỎN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/11	1388/11	30/11	HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỎN	
4		CP VT&KD THAN	12/11	76/11	19/11	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		DVVT QN	09/11	120/11	15/11	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	
6		CROMIT	11/11	132/11	18/11	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
7		ĐTTM&DV	11/11	130/11	15/11	HD 2225	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
8		CP ĐTTM&DV	12/11	148/11	19/11	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
9		CP ĐTTM&DV	12/11	150/11	19/11	BN 0718	CỤC XỎ 1C	1 070		1 070		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						195 590	84 096	111 494			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						131 390	84 096	47 294			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/11	1373/11		PACIFIC 01	CẨM 6A.1	27 690	27 427	263	13/11	HỘ LỎN	TTHG: 19.809,28 - KVCP: 7.618,09
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1372/11		GOLDEN STAR	CẨM 6A.14	23 500	18 368	5 132	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 10.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 3.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1374/11	22/11	HẢI NAM 79	CẨM 6A.14	27 400	24 522	2 878	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 23.551,64 - KVCP: 3.848
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/11	1381/11		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.14	23 300	7 551	15 749	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 8.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 5.300
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/11	1379/11		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.14	29 500	6 228	23 272	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 10.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 9.500
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1371/11		VIỆT THUẬN 235-07	CẨM 6A.10	23 050	14 800	8 250	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 14.800,32 - CLM: 3.000 - KDTCP: 3.000 - KVCP: 2.050
7		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/11	1380/11		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 6A.1	23 300	3 670	19 630	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						64 200		64 200			
1		ĐIỆN DUYỀN HẢI	11/11	1383/11		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 5B.14	23 600		23 600		HỘ LỎN	TTHG: 11.600 - KDTCP: 12.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/11	1387/11		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.1	40 600		40 600		HỘ LỎN	TTCO: 22.600 - KVCP: 5.000 - TTHG: 13.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						39 862	15 088	24 774			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						15 766	15 088	678			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐAM HÀ BẮC	12/11	1384/11	26/11	QN - 4320	CẨM 4A.1	1 700	1 680	20	13/11	HỘ LỚN	
2		NINH BÌNH	12/11	142	22/11	BN 1666	CẨM 7B	1 190	1 181	9	13/11		
3		XD CN MỎ	11/11	139	19/11	BN - 2386	CẨM 8A	1 550	1 541	9	13/11	TD	ĐN - CS
4		HẢI PHÒNG	11/11	144	19/11	HP - 5902	CẨM 7B	1 450	1 436	14	13/11	TD	CAO SƠN
5		NGHỆ TỈNH	12/11	141	22/11	VIỆT TRUNG 69	CẨM 7C	2 000	1 994	6	13/11	TD	CAO SƠN
6		CP DVVT QUẢNG NINH	10/11	128	17/11	BN - 2339	CẨM 7C	1 900	1 886	14	13/11	TD	CAO SƠN
7		CTY TNHH TRƯỜNG ANH 888	12/11	149	19/11	BN - 2203	CẨM 8A	1 560	1 549	11	13/11	TD	CAO SƠN
8		CP HÀNG HẢI VN	13/11	819B	20/11	BN - 2397	CỤC 1B	1 016	993	23	13/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
9		MIỀN TRUNG	12/11	73	19/11	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400	2 275	125	dở	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		MIỀN TRUNG	13/11	1 183	20/11	THÀNH AN 45	CẨM 7A	1 000	552	448	dở	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						24 096		24 096			
1		ĐAM HÀ BẮC	12/11	1385/11	26/11	1TB 12	CẨM 4A.1	2 392		2 392		HỘ LỚN	ĐN - CS
2		COALIMEX	10/11	125	17/11	QN - 6190	CẨM 7A	1 030		1 030		PT CB	CAO SƠN
3		COALIMEX	12/11	140	19/11	QN - 8259	CẨM 7A	1 690		1 690		PT CB	ĐN - CS
4		COALIMEX	13/11	156	20/11	VIỆT TRUNG 69	CẨM 8A	1 980		1 980		TD	ĐN - CS
5		HÀ NAM NINH	13/11	159	20/11	BN - 2012	CẨM 8A	1 972		1 972		TD	CAO SƠN
6		CP VT&KD THAN	08/11	1025/10	14/11	BN - 2225	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
7		MIỀN TRUNG	13/11	1 183	20/11	THÀNH AN 45	CỤC 1B	950		950		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
8		HÀ NỘI	10/11	1 189	17/11	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
9		CP VT&KD THAN	10/11	42	17/11	BN - 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		SÔNG HỒNG	10/11	47	17/11	BN - 0766	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
11		XD CN MỎ	10/11	51	17/11	BN - 1296	CỤC 1A	1 150		1 150		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
12		CẦU ĐUÔNG	04/11	66	11/11	BN - 0936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
13		CP VT THUỶ	13/11	82	20/11	BN - 1626	CỤC 1A	917		917		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
14		CP HÀNG HẢI VN	13/11	85	20/11	BN - 0962	CỤC 1B	1 164		1 164		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
15		CP DVVT QUẢNG NINH	10/11	124	17/11	HD 1991	CẨM 8A	1 800		1 800		TD	CAO SƠN
16		CP ĐTTM&DV	11/11	134	18/11	HD - 2099	CẨM 7C	1 975		1 975		TD	CAO SƠN
17		CTY TNHH TRƯỜNG ANH 888	12/11	145	19/11	HD - 2299	CẨM 7C	1 976		1 976		TD	CAO SƠN
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						-	-	-			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						19 068	10 997	23 203			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2025

[illegible]